

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

Chỉ số VN-Index giảm điểm trước thông tin lạm phát tháng 5 của Anh tăng lên mức 9.1%, mức cao nhất trong vòng 40 năm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trái chiều với thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

NLG, SBT

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số phá đáy, rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập trước khi có thể tích lũy trở lại một phần vị thế ngắn hạn.

22/06/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,169.27	-0.27
VN30	1,227.18	+0.22
HĐTL VN30F1M	1,216.00	-0.98
HNXIndex	269.39	+1.80
HNX30	472.16	+1.53
UPCoM	85.63	+0.71
USD/VND	23,240	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.29	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.47	+17
Dầu (WTI, \$)	104.59	-5.48
Vàng (LME, \$)	1,824.67	-0.45



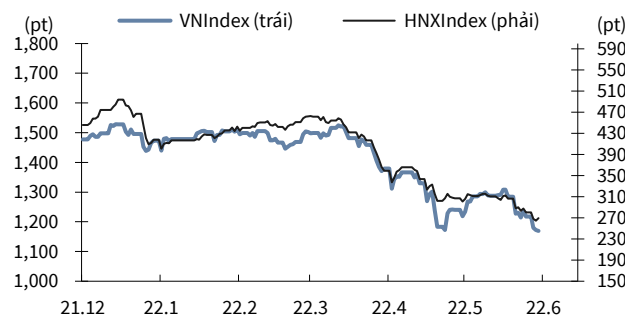
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,169.27 (-0.27%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>592.5 (+3.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>572.9 (-15.6%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>269.39 (+1.80%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>75.5 (-7.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>55.2 (-13.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>85.63 (+0.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>63.8 (+2.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>47.7 (-1.9%)</b>

Chỉ số VN-Index giảm điểm trước thông tin lạm phát tháng 5 của Anh tăng lên mức 9.1%, mức cao nhất trong vòng 40 năm. Giá dầu thế giới giảm mạnh sau khi Biden chuẩn bị cắt giảm chi phí nhiên liệu cho tài xế, kêu gọi tạm thời dừng thu thuế liên bang đối với xăng và lo ngại nhu cầu giảm bởi suy giảm kinh tế khiến cổ phiếu nhóm dầu khí giảm giá ở BSR (-12%), PVS (-8.9%). Cổ phiếu nhóm phân đạm giảm giá ở DCM (-6.9%), DPM (-6.8%) bởi giá phân bón trong nước đồng loạt hạ nhiệt, tương đồng với diễn biến giá thế giới và nhu cầu trong nước giảm do nhiều nông dân bỏ ruộng và bỏ vụ ba do sản xuất nông nghiệp không hiệu quả khi giá vật tư nông nghiệp đầu vào cao trong khi giá nông sản lại không tương ứng. Khối ngoại mua ròng ở FUEVFVND (+0.3%), HPG (+3.4%), STB (+6.8%).

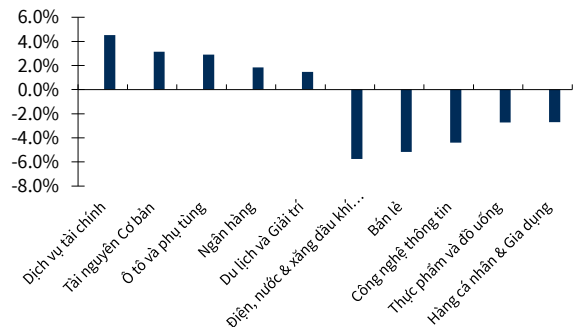
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.0**

## VNIndex & HNXIndex



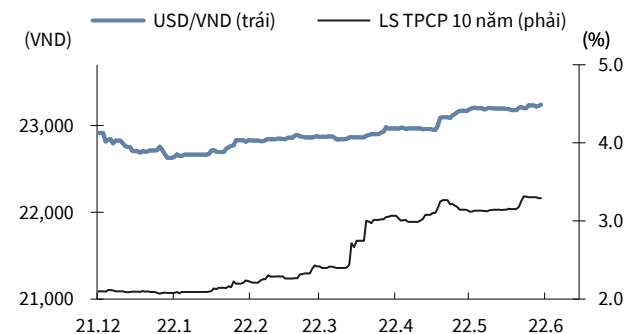
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

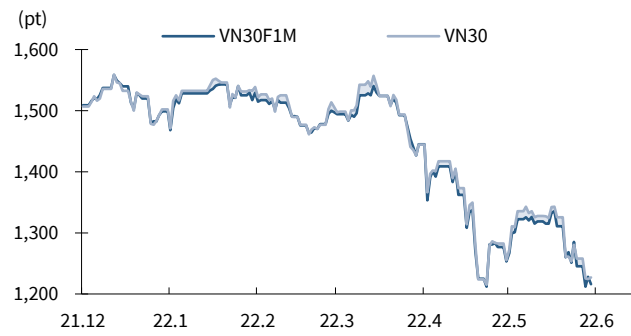
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,227.18 (+0.22%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,216.0 (-0.98%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,233.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,240.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,216.0</b>

Các HĐTL giảm điểm trái chiều với thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2207 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày đạt 14.46 điểm, sau đó biến động giằng co trong biên độ -9.4 và 2.9 điểm, trước khi đóng cửa ở mức -11.18 điểm, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản giảm nhưng vẫn ở mức cao.

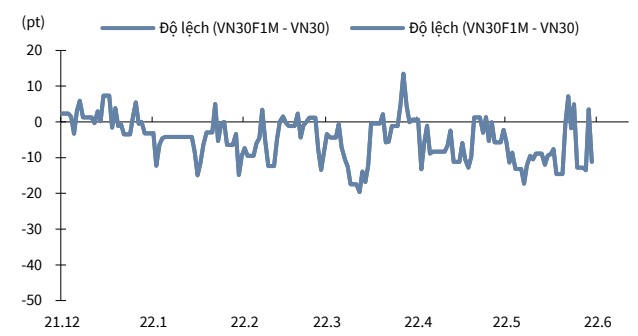
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>173,548 (-65.7%)</b>
------------------	-------------------------

**HĐTL VN30F1M & VN30**



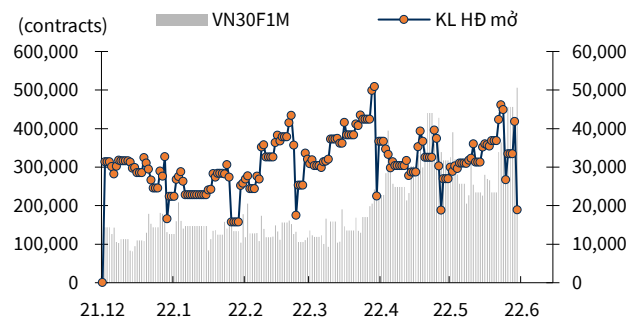
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



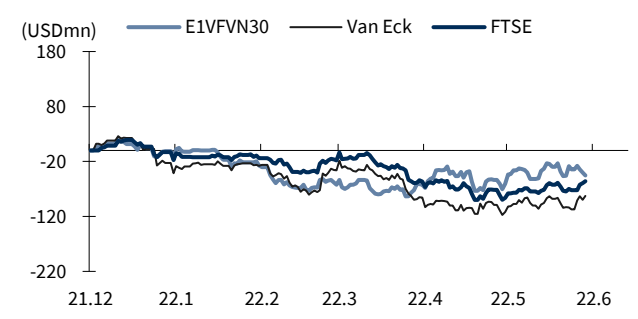
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

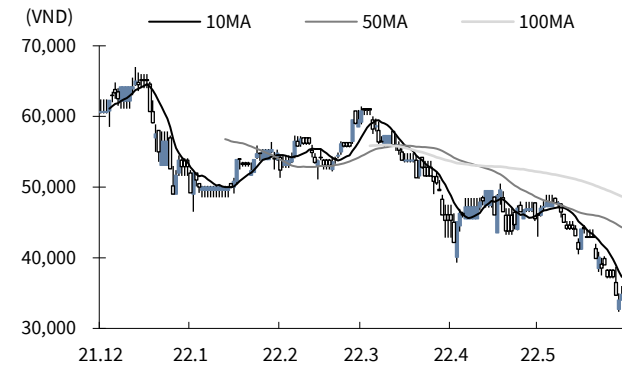
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Đầu tư Nam Long (NLG)

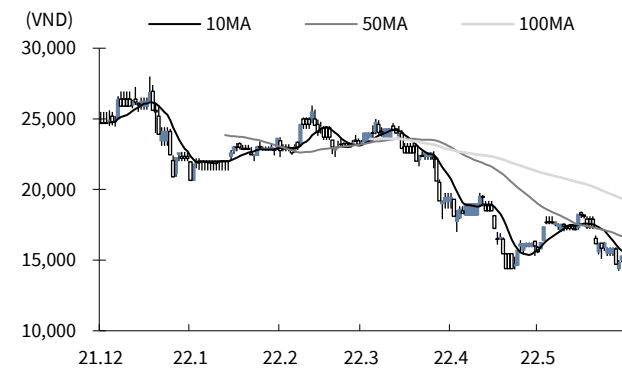


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NLG tăng 2.4% lên 34,800 VND/cp

- Đầu tư Nam Long thông báo vừa phát hành thành công 500 trái phiếu với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu có kỳ hạn 7 năm, với lãi suất cố định 9.35%/năm để tăng vốn đầu tư vào công ty con Nam Long VCD. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng cổ phần của Nam Long tại CTCP Nam Long VCD và CTCP NNH Mizuki cùng với tài khoản ngân hàng của Nam Long. International Finance Corporation (IFC) là nhà đầu tư đã mua hết số trái phiếu này của Nam Long.

## CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (SBT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

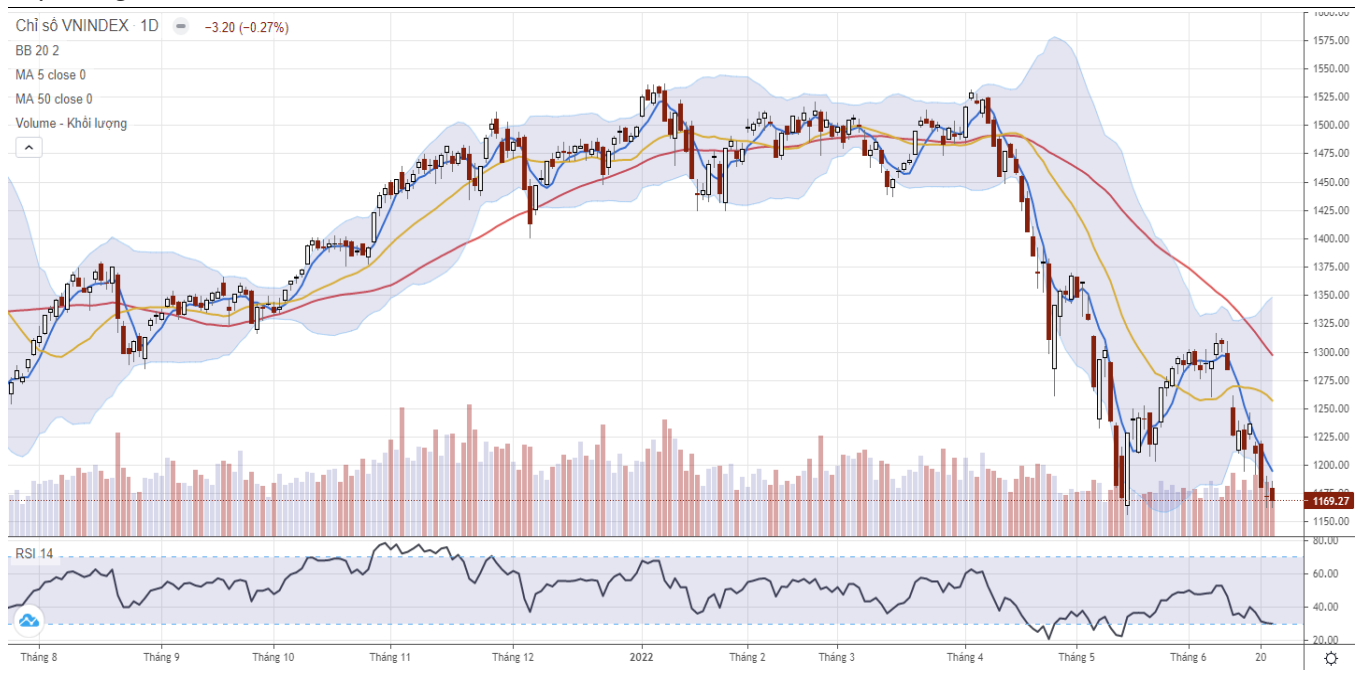
- SBT tăng 3.0% lên 15,300 VND/cp

- Đại diện TTC Sugar cho biết doanh nghiệp sẽ tiếp tục nâng cao sản lượng bằng cách mua lại doanh nghiệp đường Ấn Độ ở Campuchia. Thương vụ này về cơ bản đã hoàn tất và sẽ được công bố vào cuối năm nay. TTC Sugar cũng đang có kế hoạch đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đường ở Australia để cung cấp nguyên liệu cho TTC Sugar ở Việt Nam sản xuất đường phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

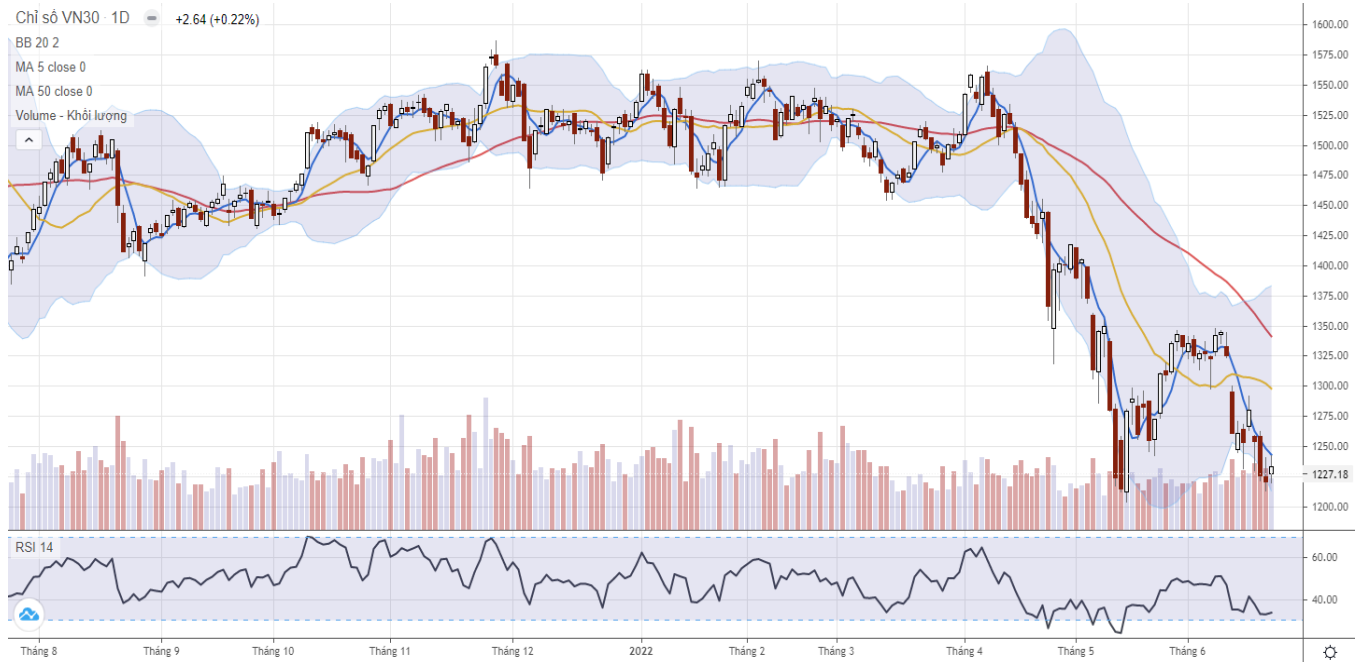
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



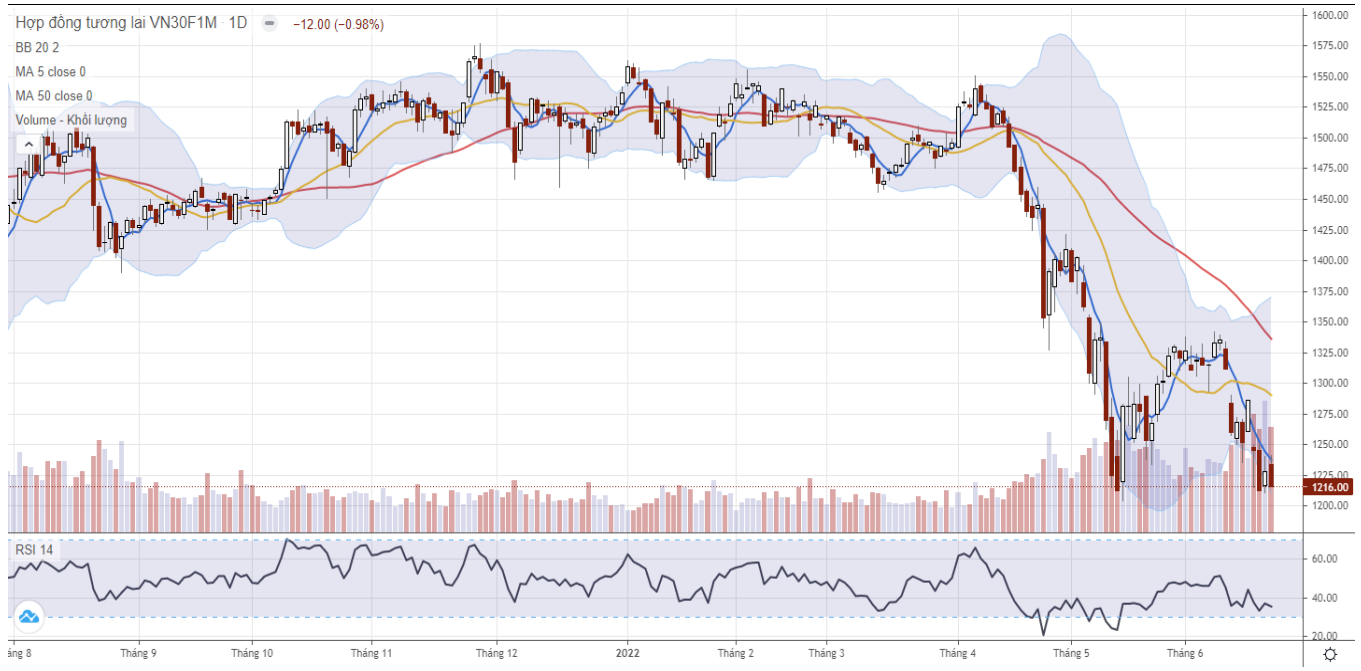
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex có một phiên giảm điểm giằng co với những nhịp tăng giảm đang xen trong biên độ hẹp.
- Lực cầu quanh vùng đáy ngắn hạn cùng với sự tiết giảm của bên bán giúp cho chỉ số có một phiên đi ngang tích lũy trong biên độ hẹp. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm đang đóng vai trò chủ đạo, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh và phá vỡ vùng đáy ngắn hạn vẫn đang có phần lấn át.
- NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số phá đáy, rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập trước khi có thể tích lũy trở lại một phần vị thế ngắn hạn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1238 - 1241

**Kháng cự gần:** 1230 - 1234

**Hỗ trợ gần:** 1205 - 1210

**Hỗ trợ xa:** 1187 - 1189

- F1 ghi nhận một nhịp tăng điểm giảm co trong phiên trước khi suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên
- Áp lực bán mạnh quanh ngưỡng cản gần 123x khiến cho đà hồi phục của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh và phá đáy ngắn hạn của F1 vẫn đang có phần lấn át.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Short tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short tại các vùng kháng cự.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

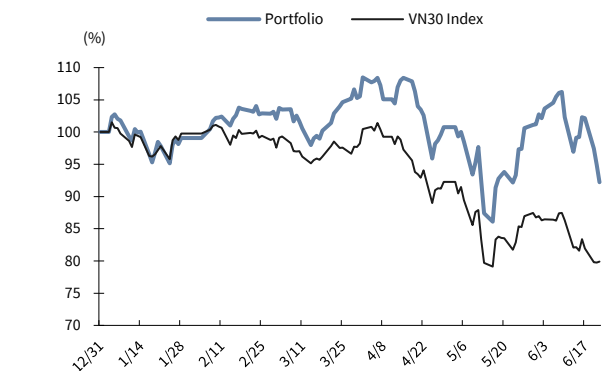
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.22%	-2.82%
Tăng lũy kế (YTD)	-20.09%	-7.76%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	69,800	-5.0%	90.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	51,700	-6.8%	-8.0%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,000	-3.2%	56.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	168,200	0.4%	-12.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	79,800	-6.9%	189.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,500	-5.2%	267.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,600	2.4%	21.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,200	-6.9%	62.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,500	3.4%	86.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	28,500	-0.3%	178.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.3%	97.5%	56.3
HPG	3.4%	21.3%	38.6
STB	6.8%	20.9%	36.8
VGC	0.0%	5.2%	32.0
GMD	-2.2%	45.2%	31.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.3%	23.4%	-90.1
VNM	-4.2%	54.4%	-76.6
MWG	-5.0%	48.9%	-149.5
NVL	0.0%	6.2%	-33.0
VIC	0.0%	12.4%	-114.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	2.1%	58.4%	1.3
TNG	-7.3%	3.4%	1.3
VCS	-0.1%	3.2%	0.1
PPS	2.4%	27.8%	0.1
TDN	2.5%	0.6%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVI	2.1%	58.4%	1.3
TNG	-7.3%	3.4%	1.3
VCS	-0.1%	3.2%	0.1
PPS	2.4%	27.8%	0.1
TDN	2.5%	0.6%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	1.8%	VNM, SAB
Du lịch và Giải trí	0.2%	VJC, VNS
Ngân hàng	-2.1%	SSB, EIB
Bảo hiểm	-2.5%	PGI, BMI
Bất động sản	-3.3%	PDR, VPI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.7%	YEG, ADG
Hóa chất	-8.9%	DGC, GVR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-8.6%	GAS, POW
Dịch vụ tài chính	-7.8%	SSI, VND
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-7.7%	REE, GEX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	4.6%	MWG, FRT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.2%	GAS, VSH
Công nghệ thông tin	3.0%	FPT, ICT
Bảo hiểm	2.0%	BVH, MIG
Thực phẩm và đồ uống	0.3%	VNM, KDC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-24.2%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	-21.3%	VND, SSI
Ô tô và phụ tùng	-11.2%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	-8.5%	VCG, ROS
Truyền thông	-6.6%	YEG, ADG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	140,418 (6.1)	22.5	254.5	89.8	14.7	1.0	3.0	2.8	2.7	0.0	-2.2	-3.6	-21.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	200,958 (8.7)	26.6	8.8	7.4	35.9	22.8	21.9	1.8	1.5	-0.3	-1.7	-3.0	-21.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	67,450 (2.9)	17.8	28.8	19.6	-7.6	7.2	9.8	2.0	1.9	1.8	-1.4	4.2	-5.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	207,970 (9.0)	31.3	27.0	21.3	6.7	15.1	16.4	3.7	3.2	0.0	-1.2	-3.0	-17.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	34,569 (1.5)	11.6	18.5	15.1	13.7	12.9	17.2	2.1	1.9	-0.4	1.0	-7.0	-24.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	238,133 (10.3)	13.9	10.1	10.0	-	13.5	11.6	1.2	1.1	2.4	-9.8	29.9	-46.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	71,362 (3.1)	6.3	13.6	11.2	11.7	21.5	22.1	2.6	2.2	-2.2	-0.7	0.9	-3.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	35,075 (1.5)	12.7	11.6	9.2	-5.3	16.1	17.2	1.6	1.3	0.7	-4.7	11.6	-17.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	184,354 (7.9)	0.0	5.6	4.7	14.3	20.9	19.9	1.1	0.9	5.5	-2.5	-2.5	-30.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	100,541 (4.3)	1.4	5.8	5.1	50.3	18.3	20.5	1.0	0.9	2.4	-3.7	-8.9	-30.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	316,133 (13.6)	0.0	6.5	6.3	18.8	21.1	17.1	1.2	1.0	4.4	-1.6	-7.2	-20.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	221,679 (9.6)	0.0	5.7	4.6	14.6	24.1	22.9	1.2	1.0	4.5	-5.8	13.1	-18.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	53,282 (2.3)	4.2	6.4	5.4	23.3	22.4	21.2	1.3	1.1	0.0	-3.7	-3.1	-23.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	327,736 (14.1)	14.0	10.3	9.3	26.5	11.6	14.9	1.0	0.9	6.8	-1.0	-5.1	-34.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	85,595 (3.7)	0.0	11.3	6.3	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	2.1	-1.3	16.6	-36.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	8,506 (0.4)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	0.6	3.3	2.6	-5.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	82,775 (3.6)	21.0	16.0	13.1	15.8	11.0	12.2	1.6	1.5	-0.8	-0.6	1.8	-8.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	14,433 (0.6)	14.2	14.3	11.6	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	0.5	-3.8	-5.4	-33.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	484,070 (20.9)	55.4	7.7	7.9	-3.2	17.4	12.9	-	-	8.9	-	-	-63.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	177,805 (7.7)	71.9	7.3	-	-4.0	27.1	-	-	-	6.8	1.9	11.6	-54.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	84,270 (3.6)	52.4	6.8	-	-19.0	19.5	-	-	-	6.8	2.7	18.0	-58.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	293,413 (12.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.9	-	30.9	-48.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	143,273 (6.2)	42.1	16.3	14.9	4.0	28.0	28.8	4.3	4.0	-4.2	9.5	3.7	-18.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,953 (1.1)	36.9	23.4	19.5	7.3	20.0	21.3	4.2	3.8	0.6	2.6	-0.3	3.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,535 (4.9)	16.5	23.7	18.1	-51.9	18.3	21.2	3.9	3.1	-4.5	0.0	-1.7	-25.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	28,096 (1.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.0	-3.6	16.7	-58.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	89,375 (3.9)	11.0	56.9	-	-88.5	7.7	-	-	-	1.2	3.9	3.2	0.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	187,121 (8.1)	10.8	18.9	15.3	-57.0	12.1	13.5	2.1	2.0	-2.2	-5.5	-0.4	4.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	99,708 (4.3)	38.4	5.5	27.1	65.7	14.1	2.6	0.7	0.7	6.7	-9.1	23.6	-65.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	28,827 (1.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	7.0	-	-	-83.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	253,937 (10.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	7.0	14.4	17.9	-54.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	31,235 (1.3)	3.6	42.4	10.2	-52.4	1.3	4.5	-	-	0.2	-8.0	5.9	-53.8
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	149,795 (6.5)	0.0	12.4	11.0	-4.5	15.8	14.1	1.8	1.8	-6.9	12.1	4.7	32.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	196,130 (8.5)	46.1	16.6	15.7	-17.5	22.1	20.7	3.7	3.3	-6.9	-	10.3	6.4	15.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	68,657 (3.0)	31.4	11.4	10.4	-10.5	15.0	15.0	1.5	1.5	-7.0	-	15.8	7.8	-11.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,886 (0.1)	34.1	14.2	7.5	-5.1	8.4	16.0	-	-	-1.7	-0.3	-0.6	-0.6	-26.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	756,478 (32.6)	18.0	4.6	4.7	21.9	28.9	23.4	1.1	0.9	3.4	-4.9	-	25.8	-39.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	319,707 (13.8)	36.5	5.2	8.1	-0.5	36.1	19.2	1.4	1.4	-6.8	-	15.9	-6.8	3.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	279,972 (12.1)	46.5	6.5	9.3	-4.5	35.7	20.6	1.9	1.7	-6.9	-	15.8	5.1	-6.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	183,909 (7.9)	38.9	3.1	3.6	67.9	23.1	15.8	0.6	0.5	6.7	-	13.5	29.8	-59.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	52,113 (2.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.2	-4.2	-6.2	-6.2	-43.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	55,286 (2.4)	4.6	18.4	15.0	-51.0	11.0	12.3	1.9	1.8	1.3	-3.7	-2.5	-2.5	-26.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	218,005 (9.4)	39.9	30.1	15.1	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.6	-6.9	-	23.2	20.1	-34.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	88,074 (3.8)	35.9	8.0	7.4	2.2	14.6	14.4	1.1	1.1	-6.8	-9.1	-4.6	-4.6	-23.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	253,816 (10.9)	0.0	16.0	14.9	14.4	27.6	27.1	4.4	4.1	-5.0	-5.5	4.2	4.2	2.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	154,135 (6.6)	0.0	18.8	15.0	2.4	22.3	22.2	3.3	2.8	-3.2	-1.7	9.4	9.4	20.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	12,217 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	-	13.1	18.1	-22.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	158,409 (6.8)	30.3	18.0	15.6	-75.2	30.0	27.0	4.8	3.8	-7.0	-8.1	16.1	16.1	25.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,664 (1.5)	34.6	8.6	9.9	41.2	33.0	24.6	2.5	2.2	-1.1	-4.2	1.7	1.7	-14.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,028 (0.0)	45.4	13.1	12.0	10.7	22.3	21.7	2.7	2.4	0.0	-4.4	-5.5	-5.5	-23.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	252,066 (10.9)	0.0	17.5	14.4	15.5	26.8	28.7	4.5	3.9	-5.2	-6.6	4.0	4.0	9.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.